TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án:31/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Khuyên

2. Bà Trần Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Lăng, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyên L, tỉnh V tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn, kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu 6, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh V.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Việt A, sinh năm 1978(vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Th, huyện L, tỉnh V.

Người giám hộ: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Th, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 háng 11 năm 2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: chị kết hôn với anh Đỗ Việt A ngày 9/3/2009. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện L. Sau

khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh Việt A. Quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó vợ chồng hay xảy ra cãi vã xích mích với nhau, vợ chồng không còn hòa hợp như trước. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Việt A bị tai nạn xe máy từ năm 2012, bị ảnh hưởng đến não nên tính tình thất thường hay chửi bới, mất khả năng sinh lý đàn ông. Thời gian tai nạn tính đến nay là 11 năm, trong thời gian này một mình chị phải lo toan mọi thứ trong gia đình từ kinh tế đến nuôi dạy các con. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Đỗ Việt A, chị không yêu cầu anh Việt A mất năng lực hành vi dân sự.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đỗ Phương Th, sinh ngày 03/01/2010 và cháu Đỗ Kim Ph, sinh ngày 06/6/2012, hiện nay các cháu đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Việt A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Việt A vắng mặt tại phiên tòa, người giám hộ của anh Đỗ Việt A là bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh A) trong biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2022 bà trình bày: Anh Việt A và chị T được gia đình tổ chức kết hôn vào tháng 03/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th. Sau khi kết hôn, chị T về gia đình bà làm dâu và sống chung cùng gia đình. Thời gian đầu vợ chồng anh A chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2012 anh A bị tai nạn nên từ đó sức khỏe bị yếu. Ba năm trở lại đây, anh A mất trí nhớ và mất dần chức năng sinh lý nên không sinh hoạt được bình thường, lúc nhớ, lúc quên. Khoảng hơn một năm nay chị T về T xây nhà và ra ở riêng, chị đưa cả 02 con về chung sống cùng. Bà và gia đình có nhiều lần bảo chị T về nhưng chị T không về. Nay chị T xin ly hôn anh Việt A, gia đình bà nhất trí. Về con chung: Bà L xác định vợ chồng chị T, anh A có 02 con chung như chị T trình bày. Hiện nay, anh A vẫn phải chữa bệnh nên không đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên nhất trí để chị T nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, công nợ: bà không nắm được nên bà không có ý kiến gì. Ngoài ra, bà L trình bày các lần Tòa án báo gọi gia đình đều nhận được giấy, đại diện Tòa án đã giải thích, tuy nhiên gia đình bà không đề nghị tuyên bố anh Đỗ Việt A mất năng lực hành vi dân sự vì thỉnh thoảng có những khoảng thời gian nhất định anh Anh vẫn nhận thức được. Bà L đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và xét xử vắng mặt bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự: đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh A. Về con chung: Giao cho chị T nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh Việt A không phải chấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Việt A có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Th, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T đều có mặt, anh A và người giám hộ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn, người giám hộ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh Việt A là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện L, tỉnh V. Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xảy ra xích mích. Anh Việt A bị tai nạn từ năm 2012 dẫn đến ảnh hưởng chức năng sinh lý, vợ chồng anh chị sống ly thân một thời gian dài. Xét đề nghị của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng sinh hoạt sinh lý. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]Về con chung: Chị T và anh A có 02 con chung là cháu Đỗ Phương Th, sinh ngày 03/01/2010 và cháu Đỗ Kim Ph, sinh ngày 06/6/2012, hiện nay đang ở

cùng chị T. Ly hôn chị T xin được nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh A cấp dưỡng. Xét đề nghị về việc nuôi con chung của chị Tám Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện chị T có công việc và thu nhập ổn định, anh A hiện không có khả năng lao động, tâm sinh lý không ổn định nên việc trông nom chăm sóc con chung cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống cho các cháu, vì vậy cần giao cho chị T nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Việt A.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đỗ Phương Th, sinh ngày 03/01/2010 và cháu Đỗ Kim Ph, sinh ngày 06/6/2012 (Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị T). Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0006136 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị A đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- THA huyện L;
- UBND xã Th
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

Ngô Thị Minh Hiệp